

Số báo danh:

Mã đề: 0908

Họ, tên thí sinh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Nguồn lao động của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Ít kinh nghiệm sản xuất lâm nghiệp.
- B. Tỷ lệ lao động nông thôn tăng nhanh.
- C. Chất lượng ngày càng được nâng lên.
- D. Phân bố rất đồng đều giữa các vùng.

Câu 2: Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. hạn chế việc mở rộng các khu chế xuất.
- B. tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.
- C. phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.
- D. tăng tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước.

Câu 3: Dịch vụ nào sau đây thuộc ngành viễn thông ở nước ta hiện nay?

- A. Chuyển bưu kiện.
- B. Chuyển phát nhanh.
- C. Phát hành báo chí.
- D. Kết nối internet.

Câu 4: Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra vào mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Sạt lở đất.
- B. Sương muối.
- C. Động đất.
- D. Hạn hán.

Câu 5: Đặc điểm tự nhiên chủ yếu nào sau đây làm cho miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có cơ cấu cây trồng đa dạng?

- A. Khí hậu phân mùa rõ rệt, nguồn nước mặt dồi dào, sinh vật phong phú.
- B. Địa hình núi cao, nhiều kiểu khí hậu, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. Khí hậu có sự phân hóa, nhiều kiểu địa hình, phong phú về loại đất.
- D. Nhiều loài sinh vật, địa hình phân bậc rõ rệt, diện tích đất feralit lớn.

Câu 6: Dịch vụ tiêu dùng ngày càng phát triển ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, mức sống của người dân tăng, mạng lưới đô thị mở rộng.
- B. nông nghiệp hàng hóa phát triển, lao động có chuyên môn, cơ cấu dân số trẻ.
- C. sản xuất đa dạng, giao thông đồng bộ, chất lượng cuộc sống người dân cao.
- D. thu hút nhiều dự án đầu tư, có cơ sở hạ tầng hiện đại, tỉ lệ dân nhập cư tăng.

Câu 7: Vị trí địa lý của Đồng bằng sông Cửu Long

- A. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía bắc.
- B. giáp với Lào ở phía tây nam.
- C. tiếp giáp với Đông Nam Bộ.
- D. tiếp giáp với Bắc Trung Bộ.

Câu 8: Các cây trồng nào sau đây ở nước ta là cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bông, hồ tiêu.
- B. Mía, đậu tương.
- C. Dâu tằm, lạc.
- D. Cà phê, cao su.

Câu 9: Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây cao su?

- A. Khí hậu nóng quanh năm, có nhiều cao nguyên rộng.
- B. Đất xám phù sa cổ, khí hậu có tính chất cận xích đạo.
- C. Địa hình nhiều đồi núi, khí hậu phân hóa theo độ cao.
- D. Nhiều nhóm đất khác nhau, khí hậu có sự phân mùa.

Câu 10: Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. nuôi trồng thủy sản.
- B. khai thác than bùn.
- C. trồng cây vụ đông.
- D. chuyên canh cây lúa.

Câu 11: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tập trung trữ lượng dầu khí lớn.
- B. Chưa có cảng hàng không quốc tế.
- C. Đứng đầu cả nước về diện tích lúa.
- D. Có chất lượng lao động rất thấp.

Câu 12: Nhà máy điện nào sau đây có ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay?

- A. Phú Mỹ 1. B. Trị An. C. Cà Mau 1. D. Sơn La.

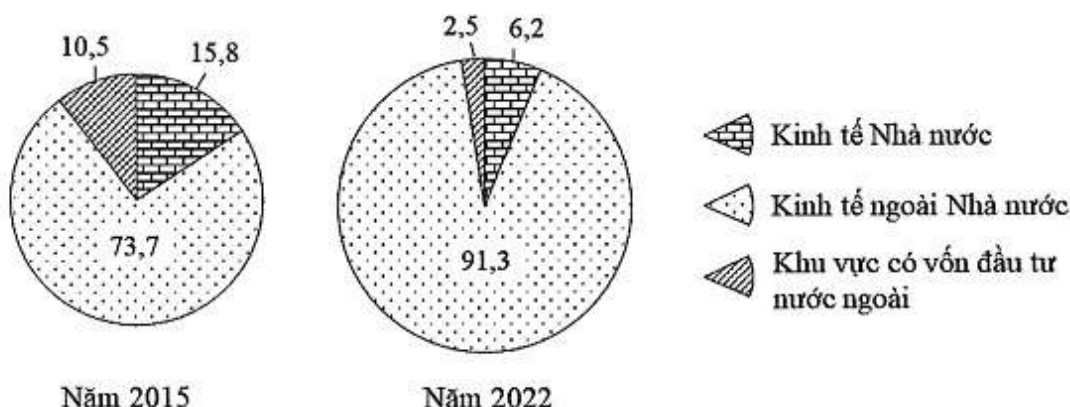
Câu 13: Vùng biển của nước ta

- A. giáp với vùng biển Mi-an-ma. B. có khí hậu ôn đới hải dương.
C. ở phía tây của Ấn Độ Dương. D. có diện tích lớn hơn vùng đất.

Câu 14: Dân số của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cơ cấu theo tuổi không thay đổi.
B. Mật độ dân số ngày càng tăng lên.
C. Quy mô có xu hướng giảm nhanh.
D. Tỉ số giới tính khi sinh cân bằng.

Câu 15: Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 và năm 2022 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2023; Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Năm 2022 so với năm 2015, tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 8%.
B. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước luôn thấp hơn tỉ trọng kinh tế Nhà nước.
C. Năm 2022 so với năm 2015, tỉ trọng kinh tế Nhà nước tăng và tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước giảm.
D. Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn cao nhất.

Câu 16: Nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. đa dạng về đối tượng nuôi. B. tập trung ở các hồ thủy điện.
C. sản lượng có xu hướng giảm. D. hoàn toàn nuôi công nghiệp.

Câu 17: Giao thông vận tải đường biển ở nước ta hiện nay

- A. mạng lưới ngày càng được mở rộng.
B. chỉ tập trung phát triển ở phía nam.
C. chủ yếu phục vụ cho ngành du lịch.
D. chưa hiện đại hóa về phương tiện.

Câu 18: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện qua đặc điểm nào sau đây?

- A. Các sông có chiều dài khác nhau. B. Có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. Sông ngòi có hướng tây – đông. D. Sông ở miền núi nhiều thác ghềnh.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Sinh vật của nước ta đa dạng về thành phần loài, hệ sinh thái và có sự phân hóa. Trong đó, sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài sinh vật nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Hệ sinh thái đặc trưng là kiểu rừng nhiệt đới gió mùa gồm các loại rừng chủ yếu như rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá,... Tuy nhiên, hệ sinh thái này ở nước ta đang bị suy giảm nên cần có các biện pháp khoanh nuôi và bảo vệ hợp lý.

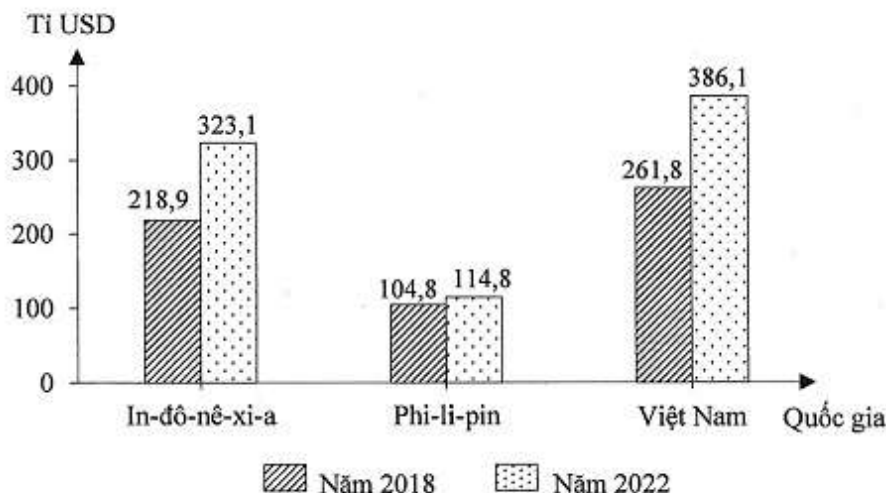
a) Nước ta có nhiều loại rừng thuộc hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa.

b) Bảo vệ hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa sẽ đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và chuyên môn hóa ngành nông nghiệp ở nước ta.

c) Sự xuất hiện các loài thực vật nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở nước ta chủ yếu do vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, có nhiều loại đất.

d) Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa chiếm ưu thế ở khu vực đồi núi thấp của nước ta chủ yếu do đặc điểm khí hậu và địa hình quy định.

Câu 2: Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2018 và năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Phi-li-pin tăng nhanh hơn Việt Nam.
- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tăng nhiều nhất.
- Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a thấp nhất.
- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của cả ba quốc gia đều tăng.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phát triển nhờ nguồn nguyên liệu phong phú, thị trường mở rộng, công nghệ sản xuất ngày càng hiện đại. Cơ cấu sản phẩm của ngành đang thay đổi theo hướng tập trung vào việc nâng cao chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường. Vì vậy, sản phẩm của ngành ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Nước ta có thể mạnh mẽ phát triển công nghiệp sản xuất đồ uống.
- Áp dụng công nghệ hiện đại trong công nghiệp sản xuất đồ uống ở nước ta hiện nay góp phần làm giảm chi phí và tạo ra các sản phẩm chất lượng cao hơn.
- Công nghiệp sản xuất đồ uống ở nước ta hiện nay có xu hướng giảm các sản phẩm nguồn gốc tự nhiên.
- Việc thay thế nguồn nguyên liệu nội địa bằng nguồn nguyên liệu nhập khẩu trong công nghiệp sản xuất đồ uống giúp nâng cao năng suất và phát triển bền vững.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Tây Nguyên giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia; giáp với các vùng Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp. Một số cây công nghiệp chủ yếu của vùng là cà phê, chè, hồ tiêu,...

- Tây Nguyên có vị trí chiến lược về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta.
- Phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và xây dựng nông thôn mới.
- Khí hậu có mùa đông lạnh và nhiều loại đất khác nhau là điều kiện để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây cà phê lớn nhất ở nước ta hiện nay.
- Giải pháp để phát triển cây cà phê theo hướng sản xuất hàng hóa ở Tây Nguyên hiện nay là tập trung vào việc mở rộng diện tích và chú trọng xuất khẩu cà phê nhân thô.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Sơn La

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,8	14,9	21,8	22,5	23,5	25,1	26,4	25,5	24,1	22,2	21,1	15,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình của năm 2022 tại trạm quan trắc Sơn La là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Năm 2022, nước ta có tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép là 29,3 tỉ USD. Trong đó, Đông Nam Bộ chiếm tỉ lệ là 37,2%. Hãy cho biết số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép của Đông Nam Bộ năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng lạc, sản lượng lạc của nước ta năm 2015 và năm 2022

Tiêu chí	Năm	
	2015	2022
Diện tích (nghìn ha)	200,2	159,4
Sản lượng (nghìn tấn)	454,1	408,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2023; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lạc của nước ta năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Quy Nhơn và trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	91,4	48,2	156,6	87,0	123,2	13,2	49,5	64,8	509,7	577,4	421,0	328,2
Cà Mau	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, lượng mưa của tháng có lượng mưa thấp nhất tại trạm quan trắc Quy Nhơn cao hơn lượng mưa của tháng có lượng mưa thấp nhất tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, vận tải đường hàng không của nước ta có số lượt hành khách vận chuyển là 49,0 triệu lượt người; số lượt hành khách luân chuyển là 54 918,3 triệu lượt người.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển hành khách trung bình của đường hàng không nước ta năm 2022 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Năm 2022, tổng số lao động có việc làm của nước ta là 50,6 triệu người. Trong đó, số lao động có việc làm trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 13,9 triệu người. Hãy cho biết năm 2022, tỉ lệ lao động có việc làm của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động có việc làm của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
Môn: Địa lí - Chương trình Giáo dục phổ thông 2018



Câu/Mã đề	0901	0902	0903	0904	0905	0906	0907	0908	0909	0910	0911	0912	0913	0914	0915	0916	0917	0918	0919	0920	0921	0922	0923	0924
1	D	B	A	B	B	C	C	C	A	C	D	B	B	C	B	D	C	A	C	B	A	B	A	A
2	B	B	A	D	C	B	D	C	A	C	D	B	B	D	B	A	D	D	A	C	B	B	C	B
3	B	C	B	B	A	A	D	D	C	C	D	A	B	A	C	C	C	C	A	A	C	A	A	D
4	C	D	D	A	A	D	B	D	C	B	D	B	D	D	B	A	D	D	B	D	A	D	A	A
5	A	A	C	C	B	B	A	C	C	C	D	B	B	C	A	B	C	C	C	C	D	D	B	A
6	A	C	D	A	C	B	C	A	C	D	C	C	B	A	B	A	D	C	C	C	B	A	B	A
7	B	C	A	C	A	C	D	C	D	A	D	D	B	C	A	A	D	D	C	D	D	B	C	B
8	A	A	C	B	D	A	C	D	A	A	A	D	B	A	C	D	A	C	D	C	C	A	A	D
9	C	D	C	D	B	D	C	B	C	B	C	A	C	A	B	C	D	D	A	D	D	C	B	B
10	D	B	D	B	A	C	C	A	A	C	A	A	D	B	C	C	C	D	B	D	B	D	B	B
11	A	A	D	C	D	C	A	A	C	A	D	B	D	D	B	A	B	C	C	C	B	A	D	B
12	A	A	A	D	D	A	C	D	C	C	B	A	B	B	D	A	D	B	B	C	A	D	C	B
13	A	C	A	D	C	A	C	D	D	D	B	A	D	C	B	A	B	A	D	C	B	B	A	A
14	D	A	B	B	D	A	C	B	D	D	A	A	C	B	B	C	A	D	A	D	C	D	B	A
15	C	B	A	D	C	B	B	A	A	C	D	B	C	A	C	D	D	B	A	C	C	D	C	D
16	A	C	A	C	A	A	D	A	C	C	A	C	D	B	B	D	C	C	C	D	C	A	D	B
17	A	C	B	B	C	D	B	A	A	A	B	C	D	B	B	C	B	A	A	C	D	A	C	D
18	A	B	D	A	D	B	D	B	C	D	A	C	B	B	D	B	A	A	B	C	A	C	B	A
19	S,D,D,S	S,S,D,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	S,S,D,D	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,D,S	D,S,S,D	S,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,D,S,S
20	D,S,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	D,S,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,D,S	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D
21	S,S,D,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,S	S,D,S,S	S,D,D,S	S,S,S,D	D,S,S,S	S,D,S,D	D,S,S,D	S,S,S,D	S,D,S,S	D,S,D,S
22	D,S,S,D	S,S,D,D	D,S,S,S	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,S,S,D	D,D,S,S	S,D,D,S	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	S,D,D,S	D,S,S,D	S,D,D,S	D,S,S,D	S,D,D,S	S,S,D,D
23	27,5	3,3	3,3	11,5	2,9	3,3	12,4	11,5	2,9	12,4	12,4	11,5	2,9	12,4	33,4	11,5	2,9	1,6	33,4	11,5	10,9	31,2	33,4	11,5
24	2,9	33,4	12,4	13,1	27,5	31,2	11,3	10,9	27,5	11,3	11,3	27,5	27,5	33,4	3,3	27,5	27,5	3,3	3,3	27,5	11,5	1,6	11,3	2,9
25	11,5	1,6	33,4	27,5	11,5	1,6	33,4	2,9	13,1	31,2	33,4	2,9	13,1	31,2	11,3	11,3	13,1	11,3	1,6	11,3	13,1	11,3	1,6	10,9
26	10,9	12,4	11,3	10,9	10,9	12,4	31,2	13,1	10,9	1,6	31,2	13,1	10,9	1,6	12,4	10,9	10,9	12,4	12,4	10,9	2,9	12,4	12,4	11,5
27	11,5	31,2	31,2	11,5	11,5	33,4	3,3	11,5	11,5	3,3	3,3	11,5	11,5	3,3	31,2	2,9	11,5	33,4	11,3	2,9	27,5	33,4	3,3	13,1
28	13,1	11,3	1,6	2,9	13,1	11,3	1,6	27,5	11,5	33,4	1,6	10,9	11,5	11,3	1,6	13,1	11,5	31,2	31,2	13,1	11,5	3,3	31,2	27,5

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
Môn: Địa lí - Chương trình Giáo dục phổ thông 2018



Câu/Mã đề	0925	0926	0927	0928	0929	0930	0931	0932	0933	0934	0935	0936	0937	0938	0939	0940	0941	0942	0943	0944	0945	0946	0947	0948
1	D	C	B	D	C	A	A	C	D	D	A	C	C	D	A	B	B	A	A	B	C	D	D	D
2	C	A	A	B	A	C	C	B	A	B	B	B	D	C	C	D	C	A	C	C	C	A	B	C
3	A	A	A	B	B	D	C	D	D	C	C	A	D	A	D	C	C	C	D	D	A	D	A	C
4	A	A	B	A	B	D	B	C	C	D	A	D	B	B	C	C	C	A	A	B	D	B	A	B
5	A	A	D	B	D	D	C	B	A	B	B	D	C	A	A	B	A	D	D	A	C	D	D	C
6	C	D	A	B	C	B	C	C	B	D	A	B	D	B	A	D	C	B	D	A	D	A	D	B
7	D	C	D	A	C	C	D	C	D	D	B	C	C	C	A	B	C	A	D	D	C	D	B	C
8	A	C	C	D	B	D	A	A	D	A	C	C	C	B	D	A	C	D	A	B	A	D	A	C
9	C	A	D	D	A	D	A	A	A	A	B	B	B	C	A	D	B	B	B	B	B	A	C	C
10	C	B	B	C	B	B	A	D	D	A	C	B	D	D	C	A	B	A	A	B	C	B	C	C
11	A	B	D	D	D	D	B	B	C	D	D	D	C	C	B	C	D	B	B	D	D	D	D	D
12	A	A	D	D	A	C	B	A	D	D	B	B	C	D	C	B	D	D	C	D	B	D	A	A
13	D	C	A	B	B	B	C	C	C	A	B	C	C	A	D	A	D	B	C	A	A	D	B	B
14	C	A	A	A	C	B	D	B	A	C	B	B	D	B	A	B	D	B	A	B	B	D	C	C
15	D	D	B	C	A	B	C	B	D	A	D	B	C	B	B	C	A	A	A	A	D	B	A	A
16	B	D	B	D	D	A	B	C	A	D	D	C	D	A	C	A	B	C	D	C	B	C	B	C
17	D	D	A	C	D	B	B	D	C	D	B	A	A	D	A	A	D	B	C	B	C	A	A	C
18	A	D	C	C	A	B	C	A	B	A	C	C	B	B	C	D	C	D	A	A	B	C	C	B
19	D,D,S,S	S,D,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,D,D,S	S,S,D,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,S,D,D	D,S,S,D	D,D,S,S	D,S,D,S	D,S,S,D	D,S,D,S	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,S,D,S
20	D,S,D,S	D,S,S,D	D,S,D,S	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,S,D,S	D,D,S,S	D,S,D,S	D,S,D,S	S,S,D,D	S,D,S,S	S,S,D,S	S,S,D,S	D,D,S,S	D,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,S,D
21	S,S,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,S,S,D	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	S,D,S,D	S,S,D,S	D,D,S,S	D,S,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,D,S	S,D,D,S	D,D,S,S	S,D,S,D	S,D,D,S
22	D,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	S,S,D,S	S,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,D	S,D,S,S	D,S,D,S	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	D,S,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,D,D,S
23	1,6	11,5	11,5	1,6	1,6	11,5	11,5	12,4	12,4	27,5	11,5	1,6	12,4	11,5	10,9	1,6	3,3	10,9	10,9	31,2	12,4	11,5	10,9	11,3
24	12,4	13,1	10,9	12,4	3,3	13,1	11,5	31,2	3,3	13,1	10,9	11,3	3,3	2,9	11,5	11,3	31,2	2,9	11,5	11,3	31,2	2,9	2,9	3,3
25	33,4	27,5	27,5	33,4	33,4	27,5	27,5	11,3	33,4	2,9	11,5	31,2	31,2	13,1	27,5	12,4	12,4	11,5	11,5	12,4	3,3	11,5	11,5	12,4
26	11,3	10,9	11,5	11,3	11,3	10,9	13,1	33,4	31,2	10,9	13,1	33,4	33,4	27,5	13,1	33,4	33,4	13,1	13,1	33,4	33,4	27,5	13,1	31,2
27	31,2	11,5	11,5	31,2	31,2	11,5	10,9	1,6	11,3	11,5	27,5	3,3	11,3	11,5	11,5	31,2	11,3	11,5	2,9	1,6	11,3	10,9	11,5	1,6
28	3,3	2,9	2,9	3,3	12,4	2,9	2,9	3,3	1,6	11,5	2,9	12,4	1,6	10,9	2,9	3,3	1,6	27,5	27,5	3,3	1,6	13,1	27,5	33,4